

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ Luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 321/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Lương Minh T, sinh năm: 1996. Nơi ĐKKHKT: Khu phố H, phường H, thành phố T, tỉnh Quảng Nam. Chỗ ở hiện nay: Lô 31 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

- Bà Lê Hải S, sinh năm: 2001. Địa chỉ: K61/06 đường Ng, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Minh T và bà Lê Hải S kết hôn với nhau vào năm 2020 có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 47/2020 ngày 11/3/2020). Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn, ông T và bà S sống tại địa chỉ: số K61/06 đường Ng, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống đến đầu năm 2021 thì ông bà phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống không hợp, vợ chồng không có trách nhiệm với nhau dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi vã, mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện nay ông T và bà S đã sống ly thân với nhau phần ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, ông Lương Minh T và bà Lê Hải S đã thật sự tự nguyện ly hôn, mâu thuẫn giữa ông T và bà S đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về con chung: Ông Lương Minh T và bà Lê Hải S xác nhận có 01 con chung tên Lương Quỳnh Ch, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2019. Ly hôn vợ chồng thống nhất thỏa

thuận bà S là người nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lương Quỳnh Ch. Ông Lương Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2022.

Ông T và bà S tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

Bên không nuôi con vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Minh T và bà Lê Hải S thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Lê Hải S nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lương Quỳnh Ch, sinh ngày 10 tháng 6 năm 2019. Ông Lương Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng vào ngày 10 hàng tháng, bắt đầu từ tháng 10 năm 2022.

Kể từ ngày bà Lê Hải S có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Lương Minh T không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con như đã thỏa thuận thì hàng tháng ông Lương Minh T còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Bên không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Khi cần thiết, vì lợi ích của con chung các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ông Lương Minh T và bà Lê Hải S xác nhận không có tài sản chung.

- Về nợ chung: Ông Lương Minh T và bà Lê Hải S xác nhận không có nợ chung.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ ông Lương Minh T và bà Lê Hải S tự nguyện chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí ông Lương Minh T và bà Lê Hải S đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002042 ngày 25 tháng 8 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng. Ông Lương Minh T và bà Lê Hải S đã nộp đủ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- UBND phường H;

THẨM PHÁN

- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

Nguyễn Thị Lệ Hằng